

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/DS-ST
Ngày: 18-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXX-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Bích V, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số D đường số G, khu dân cư T, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02/7/1971 (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích V trình bày cho rằng bà V đã cho ông Nguyễn Tuấn K vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Cho vay ngày 10/02/2024 âm lịch (ngày 19/3/2024 dương lịch), số tiền 600 triệu đồng và lãi suất 3%/tháng, mục đích vay tiền để ông K thuê nhân công, mua thiết bị làm các công trình xây dựng. Khi vay ông K có viết biên nhận, ký tên và nhận đủ tiền. Sau khi vay ông K có đóng lãi được 09 tháng và từ ngày 10/11/2024 âm lịch đến nay thì không có trả nợ gốc và lãi.

Lần 2: Cho vay ngày 25/02/2024 âm lịch (ngày 03/4/2024 dương lịch), số tiền 300 triệu đồng và lãi suất 3%/tháng, ông K viết biên nhận nợ, ký tên và nhận đủ tiền. Sau khi vay ông K có đóng lãi được 09 tháng thì ngưng trả lãi và không trả vốn cho đến nay.

Lần 3: Cho vay ngày 01/6/2024 âm lịch (ngày 06/7/2024 dương lịch), số tiền 250 triệu đồng, lãi suất 5%/tháng, khoản vay này ông K sẽ góp hàng ngày, mỗi ngày ông K góp vốn gốc và lãi là 2.500.000 đồng, thời hạn góp 04 tháng, bắt đầu góp từ ngày 02/6/2024 âm lịch, ông K có ghi biên nhận, ký tên và nhận đủ tiền. Về vốn lãi thì ông K góp được 40 ngày được 100.000.000 đồng thì ngưng đến nay, trong số tiền góp có vốn là 83.333.333 đồng và lãi là 16.666.667 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà V yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 1.284.166.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/11/2024 âm lịch đến ngày khởi kiện 134.166.000 đồng và tiếp tục chịu lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà V cung cấp bản chính 03 biên nhận viết tay bằng mực màu xanh trên giấy kẻ ô ly gồm: Biên nhận ngày 10/02/2024 âm lịch, Biên nhận ngày 25/02/2024 âm lịch và Biên nhận ngày 06/7/2024 (01/6/2024 âm lịch) do ông Nguyễn Tuấn K ký và ghi tên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày nguyên đơn đồng ý yêu cầu ông K trả số tiền vốn và lãi sau khi đối trừ số tiền lãi đã trả cao hơn so với lãi suất là 1,66%/tháng, trong đó: Khoản vay ngày 10/02/2024 âm lịch số vốn yêu cầu là 527.640.000 đồng (năm trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), khoản vay ngày 25/02/2024 âm lịch số vốn yêu cầu 263.820.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng) và tính lãi từ ngày 10/12/2024 (10/11/2024 âm) đến ngày xét xử làm tròn 09 tháng. Đối với khoản vay ngày 01/6/2024 âm lịch số vốn yêu cầu 155.553.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) và lãi tính từ ngày 17/8/2024 đến ngày xét xử làm tròn 13 tháng. Tổng số tiền bà V yêu cầu ông K hoàn trả là 1.098.825.461 đồng (một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng), trong đó vốn 947.013.000 đồng và lãi là 151.812.461 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung thấy rằng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện buộc ông K trả tiền vốn vay 947.013.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày cuối cùng ông K vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày xét xử thì thấy: Khi nguyên đơn khởi kiện có giao nộp 03 biên nhận viết tay thể hiện người vay là ông Nguyễn Tuấn K và ông K đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng về việc bà V khởi kiện, nên ông K biết yêu cầu của bà V và không có ý kiến phản đối. Vì vậy, có cơ sở xác định không K có vay tiền của bà V nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V buộc ông K trả tiền vốn vay và lãi, đồng thời buộc ông K chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, yêu cầu khởi kiện của bà V là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và bị đơn có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét việc bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông K phải trả số tiền vốn vay thấp hơn so với khởi kiện ban đầu là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của bà V về việc buộc ông K trả số tiền vốn vay 947.013.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà V cung cấp bản chính, các biên nhận viết tay bằng mực màu xanh trên giấy kẻ ô ly: “Biên nhận” đề ngày 10/02/2024 âm lịch, ký và ghi tên Nguyễn Tuấn K số CCCD 094071004020, sinh ngày 02/7/1971 có nội dung nhờ bà Lâm Thị Bích V với số tiền 600.000.000 đồng. “Biên nhận” đề ngày 25/02/2024 âm lịch, ký và ghi tên Nguyễn Tuấn K số CCCD 094071004020, sinh ngày 02/7/1971 có nội dung nhờ bà Lâm Thị Bích V với số tiền 300.000.000 đồng và “Biên nhận” ngày 06/7/2024 (01/6/2024 âm lịch)”, ký và ghi tên Nguyễn Tuấn K ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nội dung có vay của V ấp 3... số tiền 250.000.000 đồng. Khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông K biết việc nguyên đơn bà V

khởi kiện, nội dung yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp và ông K không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn ông Nguyễn Tuấn K có giao kết các hợp đồng vay tài sản nêu trên với nguyên đơn bà Lâm Thị Bích V.

[3.1] Đối với số tiền vốn của ba khoản vay là 1.150.000.000 đồng, quá trình giải quyết nguyên đơn bà V đồng ý đối trừ số tiền lãi bị đơn ông K đã trả nhiều hơn so với lãi suất quy định vào tiền vốn vay và yêu cầu ông K trả số tiền vốn vay sau khi đối trừ còn lại 947.013.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất 3 đến 5%/tháng là cao so với quy định, khi khởi kiện bà V yêu cầu người vay trả tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm) phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Về thời gian tính lãi, ông K không có ý kiến phản đối về thời gian đã trả lãi theo xác định của bà V, nên Hội đồng xét xử xem xét thời gian trả lãi là ngày tiếp theo của ngày ông K trả lãi cuối cùng. Trong đó, khoản vay ngày 10/02/2024 âm lịch và ngày 25/02/2024 âm lịch với số tiền vốn yêu cầu là 791.460.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 11/12/2024 (11/11/2024 âm) đến ngày xét xử 18/9/2025 làm tròn 09 tháng là 118.244.124 đồng. Khoản vay ngày 01/6/2024 âm lịch số vốn yêu cầu 155.553.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 17/8/2024 đến ngày xét xử làm tròn 13 tháng là 33.568.337 đồng. Vì vậy, yêu cầu của bà V về lãi suất là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V được chấp nhận nên bị đơn ông K phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lâm Thị Bích V không phải chịu án phí và được miễn nộp tạm ứng án phí.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Bích V về tranh chấp hợp

đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Tuấn K.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ hoàn trả tiền vốn vay và lãi cho bà Lâm Thị Bích V là 1.098.825.461 đồng (một tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng), trong đó vốn 947.013.000 đồng và lãi là 151.812.461 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu là 44.964.763 đồng (bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai